

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÀO CAI



QUY ĐỊNH
KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU NĂNG LỰC
NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG
NGÀNH/NGHỀ: NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN MÚA DÂN GIAN
DÂN TỘC
MÃ NGÀNH/NGHỀ: 5210207

Lào Cai, năm 2026

KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

**NGÀNH/NGHỀ: NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN MÚA DÂN GIAN
DÂN TỘC**

MÃ NGÀNH/NGHỀ: 5210207

1. Giới thiệu chung về ngành/ngành

Múa là một bộ môn nghệ thuật biểu diễn sử dụng ngôn ngữ hình thể để phản ánh tư tưởng, tình cảm, hiện tượng của cuộc sống. Nguồn gốc của nghệ thuật múa chính là những hành động của con người trong đời sống, trong quá trình lao động cộng với sự quan sát thiên nhiên. Từ đó, các động tác múa có những thay đổi, cải tiến, mang tính khái quát nghệ thuật cao để diễn đạt những nội dung, tình cảm, suy nghĩ và ý tưởng tới khán giả.

Diễn viên múa đã dùng chính cơ thể của mình để làm sống dậy các nhân vật, thể hiện những cảm xúc và tạo ra phong cách cho màn trình diễn. Diễn viên múa dựa vào các kỹ thuật, nhịp điệu và thực hiện theo ý tưởng của người biên đạo múa. Do vậy, cơ thể của người Diễn viên múa rất uyển chuyển, họ biết cách điều hòa nhịp thở, đứng và di chuyển cơ thể. Diễn viên múa thường biểu diễn trong các nhà hát, sân khấu và đài truyền hình.

Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc trình độ trung cấp là ngành, nghề mà người học được học tập, nghiên cứu các môn múa ở nước ngoài và trong nước như: múa cổ điển châu Âu, múa đương đại, múa dân gian Việt Nam, múa cổ điển Việt Nam, múa đôi (Duo), múa tính cách nước ngoài, kỹ thuật biểu diễn trong tác phẩm múa, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Diễn viên biểu diễn múa dân gian dân tộc sau khi tốt nghiệp trở thành diễn viên múa hoạt động trong các Nhà hát, Đoàn Ca Múa Nhạc tổng hợp hoặc thành lập nhóm riêng hoạt động tự do trong các chương trình tổ chức sự kiện giới thiệu quảng cáo của các doanh nghiệp của Nhà nước và tư nhân..v.v....

2. Yêu cầu chung của ngành/ngành

Khi học nghề Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc trình độ trung cấp, người học cần đạt được một số kiến thức và kỹ năng sau:

a) Kiến thức

- Xác định được vị trí, vai trò của nghệ sỹ múa tham gia trong các chương trình nghệ thuật; các yếu tố cơ bản về pháp luật của Nhà nước, nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, quy định về bản quyền, sở hữu trí tuệ; các kiến thức,

kỹ thuật chuyên ngành để luyện tập, biểu diễn được tác phẩm múa theo yêu cầu đề ra;

- Liệt kê được các loại trang thiết bị, công cụ hỗ trợ chuyên dụng trong thực hành và biểu diễn nghệ thuật múa và giải thích công dụng của chúng;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa Việt Nam và thế giới; các kiến thức về lịch sử múa, lý thuyết âm nhạc, ký xướng âm; kiến thức về công nghệ thông tin, phương pháp khai thác các phần mềm, ứng dụng phục vụ cho ngành, nghề; kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

- Mô tả được cách thực hiện các kỹ thuật, kỹ xảo biểu diễn cơ bản của các dòng múa dân gian dân tộc, múa cổ điển Châu Âu, múa đương đại, biểu diễn tác phẩm múa tập thể, biểu diễn múa ít người; phương pháp đảm bảo an toàn cho người và dụng cụ, thiết bị khi biểu diễn.

b) Kỹ năng

- Ứng dụng được công nghệ thông tin cơ bản; ngoại ngữ cơ bản tương đương bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam;

- Sử dụng thành thạo các trang thiết bị hỗ trợ luyện tập và biểu diễn múa, khai thác các ứng dụng công nghệ truyền thông, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị dụng cụ biểu diễn;

- Phân loại được các dòng múa khi tham gia luyện tập và biểu diễn;

- Vận dụng linh hoạt, phù hợp các kỹ năng mềm như: kỹ năng thuyết trình, đàm phán, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết xung đột, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng đồng sáng tạo... vào quá trình làm việc một cách hiệu quả;

- Trình diễn được các động tác, tổ hợp múa thuộc các dòng múa dân gian dân tộc, múa cổ điển Châu Âu, múa đương đại và biểu diễn được tác phẩm múa theo các hình thức múa tập thể, múa ít người.

c) Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện được thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức kỷ luật, phương pháp làm việc khoa học, tác phong chuyên nghiệp.

- Giao tiếp lịch sự, văn minh thanh lịch với công chúng, khán giả, đồng nghiệp và nhà tuyển dụng lao động;

- Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, tiếp thu và học hỏi có chọn lọc, sáng tạo trong hoạt động biểu diễn nghệ thuật; có tình yêu với nghệ thuật múa.

- Có tinh thần phối hợp với các nghệ sỹ thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm về kết quả làm việc của cá nhân trước biên đạo múa, chỉ huy đêm diễn, tổng đạo

diễn chương trình, lãnh đạo đơn vị;

- Chủ động đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của cá nhân và các nghệ sỹ khác.

3. Các năng lực của ngành/ngành

TT	Mã năng lực	Năng lực	Số giờ/tín chỉ
	I	Năng lực chung, cơ bản	
1	NLCB-01	Có đủ sức khỏe, nhận thức và tuân thủ đúng, đầy đủ về chính trị, pháp luật, quốc phòng, an ninh, văn hoá, giao tiếp, ứng xử; có khả năng thích ứng với môi trường nghề nghiệp trong bối cảnh thay đổi.	180 giờ/8 tín chỉ
2	NLCB-02	Có năng lực Tiếng Anh tương đương bậc 1 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; khả năng ứng dụng hiệu quả CNTT phục vụ công việc và đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo qui định hiện hành.	135 giờ/5 tín chỉ
3	NLCB-03	Có kiến thức cơ bản về lý thuyết âm nhạc	60 giờ/4 tín chỉ
4	NLCB-04	Xướng âm, ghi âm giọng không dấu hóa	60 giờ/2 tín chỉ
5	NLCB-05	Có kiến thức về lý luận và lịch sử múa	45 giờ/3 tín chỉ
	II	Năng lực cốt lõi	
1	NLCL-01	Biểu diễn múa cổ điển châu Âu.	660 giờ/28 tín chỉ
2	NLCL-02	Biểu diễn múa dân gian dân tộc Việt Nam.	660 giờ/28 tín chỉ
3	NLCL-03	Biểu diễn tác phẩm múa tập thể, múa ít người.	120 giờ/4 tín chỉ
4	NLCL-04	Hội nhập vào môi trường lao động	495 giờ/11 tín chỉ
	III	Năng lực tự chọn, nâng cao	
1	NLNC-01	Biểu diễn múa đương đại.	60 giờ/2 tín chỉ
2	NLNC-02	Biểu diễn múa truyền thống.	60 giờ/2 tín chỉ

TT	Mã năng lực	Năng lực	Số giờ/tín chỉ
3	NLNC-03	Khiêu vũ một số vũ điệu phương Tây.	60 giờ/2 tín chỉ

4. Khối lượng kiến thức tối thiểu của ngành/ngành (giờ, tín chỉ):
2.460/104 tín chỉ.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU ĐỐI VỚI TỪNG
NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP**

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

**NGÀNH/NGHỀ: NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN MÚA DÂN GIAN DÂN
TỘC**

MÃ NGÀNH/NGHỀ: 5210207

1. Tên năng lực: Có đủ sức khỏe, nhận thức và tuân thủ đúng, đầy đủ về chính trị, pháp luật, quốc phòng, an ninh, văn hoá, giao tiếp, ứng xử; có khả năng thích ứng với môi trường nghề nghiệp trong bối cảnh thay đổi.

- Mã: NLCB-01

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 300 giờ/17 tín chỉ

Năng lực gồm 05 tiêu năng lực

1.1. Tên tiêu năng lực: Vận dụng kiến thức về chính trị, nhận thức và vận dụng đường lối Văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam vào công việc

- Mã: NLCB-01.01

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 30 giờ/2 tín chỉ

a) Về kiến thức:

Trình bày được một số nội dung khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước; yêu cầu và nội dung học tập rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

b) Về kỹ năng:

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào học tập, rèn luyện, xây dựng đạo đức, lối sống để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước

1.2. Tên tiêu năng lực: Vận dụng kiến thức pháp luật vào công việc

- Mã: NLCB-01.02

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 15 giờ/1 tín chỉ

a) Về kiến thức:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

b) Về kỹ năng:

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan đến các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

1.3. Tên tiểu năng lực: Thực hành rèn luyện sức khỏe

- Mã: NLCB-01.03

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 30 giờ/1 tín chỉ

a) Về kiến thức:

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật chính và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

b) Về kỹ năng:

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể thao được học.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và rèn luyện thể dục thể thao hằng ngày để góp phần đảm bảo sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác

1.4. Tên tiểu năng lực: Vận dụng kiến thức về chính trị, an ninh quốc phòng vào công việc;

- Mã: NLCB-01.04

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ/2 tín chỉ

a) Về kiến thức:

Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương.

b) Về kỹ năng:

Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay; 2

Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

1.5. Tên tiểu năng lực: Vận dụng kỹ năng tiếp, kỹ năng mềm trong công việc

- Mã: NLCB-01.05

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ/2 tín chỉ

a) Về kiến thức:

Trình bày được các kiến thức cơ bản về: Giao tiếp hiệu quả; thuyết trình hiệu quả; làm việc nhóm; lập và thực hiện kế hoạch; tự học và phát triển; tìm kiếm việc làm.

b) Về kỹ năng:

- Thực hiện được các cuộc giao tiếp hiệu quả trong các tình huống, bối cảnh nghề nghiệp cụ thể;
- Thuyết trình hiệu quả một vấn đề/ nội dung cho các nhóm đối tượng trong hoạt động nghề nghiệp;
- Thực hiện được các công việc có liên quan trong làm việc nhóm, tập thể có hiệu quả; tự học và phát triển; tìm kiếm việc làm;
- Lập và thực hiện được kế hoạch cho một nội dung, hoạt động cụ thể của cá nhân/ hoạt động nghề nghiệp.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức tự điều chỉnh, kiểm soát suy nghĩ, cảm xúc và hành động của bản thân; Độc lập trong đặt ra mục tiêu, lập kế hoạch, có ý chí thực hiện kế hoạch;
- Hình thành ý thức, tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học, sáng tạo có mục tiêu, có kế hoạch.

2. Tên năng lực: Có năng lực Tiếng Anh tương đương bậc 1 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; khả năng ứng dụng hiệu quả CNTT phục vụ công việc và đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo qui định hiện hành.

- Mã: NLCB-02

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 195 giờ/7 tín chỉ

Năng lực gồm 02 tiểu năng lực

2.1. Tên tiểu năng lực: Sử dụng tin học ở mức độ cơ bản

- Mã: NLCB-02.01

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ/2 tín chỉ

a) Về kiến thức:

- Trình bày được một số kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.
- Trình bày được các khái niệm về Chính phủ số, Kinh tế số, Xã hội số và kiến thức cơ bản về Trí tuệ nhân tạo (AI).

b) Về kỹ năng:

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, phân loại phần mềm;
- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu;

- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu các nội dung đơn giản;
- Sử dụng trình duyệt, email, công cụ tìm kiếm, dịch vụ hành chính công, ngân hàng điện tử và các phần mềm AI hỗ trợ.
- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nhận thức được tầm quan trọng, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;
- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng một số nội dung trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.
- + Có ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn dữ liệu và chịu trách nhiệm về hành vi của mình trên không gian số.

2.2. Tên tiêu năng lực: Nghe, nói, đọc, viết tiếng anh cơ bản;

- **Mã:** NLCB-02.02

- **Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ):** 90 giờ/3 tín chỉ

a) Về kiến thức:

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại và quá khứ, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; nhận biết được các từ vựng về giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ.

b) Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận các thông tin về các chủ đề liên quan đến thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ vật trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

- Kỹ năng nói: Đưa ra và hồi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình bày sở thích, đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về những ngày lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các món ăn và thức uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

- Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

3. Tên năng lực: Có kiến thức cơ bản về lý thuyết âm nhạc

- Mã: NLCB-03

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ/4 tín chỉ

a) Về kiến thức:

+ Trình bày được các khái niệm về âm nhạc như sự hoá, hợp âm, tiết nhịp, giọng, điệu thức.

+ Nêu được giá trị trường độ các nốt nhạc.

+ Kể tên và cách sử dụng một số kí hiệu âm nhạc.

+ Trình bày được đặc điểm của các điệu thức thường dùng.

+ Trình bày được đặc điểm âm nhạc dân gian Việt Nam.

b) Về kỹ năng:

+ Chép được bản nhạc.

+ Thực hành được một số nhóm tiết tấu cơ bản.

+ Thực hành gõ một số nhóm tiết tấu cơ bản.

+ So sánh được sự khác nhau giữa điệu thức trưởng và thứ.

+ Xác định được số phách trong ô nhịp của một bản nhạc bất kỳ

+ Xác định được số phách mạnh, phách nhẹ trong các loại nhịp.

+ Xác định được dấu hoá theo khoá của giọng.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, khoa học; có trách nhiệm trong việc sử dụng kiến thức đúng chuẩn mực chuyên môn, làm nền tảng cho các hoạt động nghệ thuật múa.

4. Tên năng lực: Xướng âm, ghi âm giọng từ không dấu hóa

- Mã: NLCB-04

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ/2 tín chỉ

a) Về kiến thức:

- + Trình bày được đặc điểm, giọng đô trưởng, La thứ
- + Phân biệt được tính chất giọng đô trưởng, La thứ
- + Trình bày được các độ gam đô trưởng, La thứ.
- + Liệt kê được các gam năm âm.

b) Về kỹ năng:

- + Thực hành gõ tiết tấu được các nhóm tiết tấu cơ bản.
- + Đọc đúng cao độ gam rải giọng đô trưởng, la thứ.
- + Đọc nhạc đúng cao độ, nhịp phách một số bản nhạc trong bài.
- + Nghe và phân biệt được giọng trưởng, giọng thứ.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.
- Có khả năng tự luyện tập phát âm, xướng âm và kiểm soát giọng nói một cách độc lập; biết tự đánh giá và chỉnh sửa kỹ thuật xướng âm của bản thân để nâng cao hiệu quả biểu diễn và truyền đạt âm nhạc. Ứng dụng vào tập luyện và biểu diễn múa.

5. Tên năng lực: Có kiến thức về lý luận và lịch sử múa.

- Mã: NLCB-05

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ/3 tín chỉ

a) Về kiến thức:

- Trình bày được nguồn gốc xuất xứ của Múa Cổ điển Châu Âu và múa dân gian Việt Nam
- Trình bày được cái khái niệm và các thuật ngữ trong nghệ thuật múa.

b) Về kỹ năng:

- So sánh được mối tương quan giữa diễn viên múa với tác phẩm múa và huấn luyện múa, biên đạo múa.

- Vận dụng kiến thức lý luận lịch sử múa trong biểu diễn và sáng tạo tác phẩm múa.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thể hiện được ý thức, thái độ làm việc nghiêm túc;
- Thể hiện được năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm;
- Hình thành tình yêu nghề múa.

6. Tên năng lực: Biểu diễn múa cổ điển châu Âu

- Mã: NLCL-01

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 660 giờ/28 tín chỉ

a) Về kiến thức:

- Nêu được ý nghĩa của các động tác múa Cổ điển Châu Âu hai tay vịn giống, giữa sàn và nhảy;
- Trình bày được tính chất của các động tác múa Cổ điển Châu Âu hai tay vịn giống, giữa sàn và nhảy;
- Mô tả được luật động của các động tác múa Cổ điển Châu Âu hai tay vịn giống, giữa sàn và nhảy.

b) Về kỹ năng:

- Thực hiện thuần thục các động tác múa Cổ điển Châu Âu hai tay vịn giống, giữa sàn và nhảy;
- Vận dụng thực hiện được các tổ hợp múa Cổ điển Châu Âu hai tay vịn giống, giữa sàn và nhảy.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thể hiện được năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm; có ý thức, thái độ làm việc nghiêm túc, chuyên nghiệp;
- Hình thành được tình yêu, đam mê, nhiệt huyết với nghề múa.

7. Tên năng lực: Biểu diễn múa dân gian dân tộc Việt Nam

- Mã: NLCL-02

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 660 giờ/28 tín chỉ

a) Về kiến thức:

- Nêu được ý nghĩa của các động tác dân gian múa của 17 dân tộc Việt Nam;
- Trình bày được tính chất của các động tác dân gian múa của 17 dân tộc Việt Nam;

- Mô tả được luật động của các động tác dân gian múa của 17 dân tộc Việt Nam.

b) Về kỹ năng:

- Thực hiện thuần thục các động tác dân gian múa của 17 dân tộc Việt Nam;
- Vận dụng thực hiện được các tổ hợp múa dân gian của 17 dân tộc Việt Nam.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thể hiện được năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm; có ý thức, thái độ làm việc nghiêm túc, chuyên nghiệp;

- Hình thành được tình yêu, đam mê, nhiệt huyết với nghề múa.

8. Tên năng lực: Biểu diễn tác phẩm múa tập thể, múa ít người

- Mã: NLCL-03

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 120 giờ/4 tín chỉ

Năng lực có 2 tiểu năng lực

8.1. Tên năng lực: Biểu diễn tác phẩm múa tập thể

- Mã: NLCL-03.01

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ/2 tín chỉ

a) Về kiến thức:

+ Mô tả được cấu trúc của tác phẩm múa tập thể.
+ Trình bày được nội dung, ý nghĩa 3 tác phẩm múa tập thể sáng tác trên nền chất liệu múa dân tộc Kinh, dân tộc Mông, dân tộc Tày.

b) Về kỹ năng:

+ Biểu diễn được 3 tác phẩm múa tập thể sáng tác trên nền chất liệu múa dân tộc Kinh, dân tộc Mông, dân tộc Tày.

+ Vận dụng biểu diễn được các tác phẩm múa tập thể khác do biên đạo sáng tác theo chương trình nghệ thuật cụ thể.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Thể hiện được ý thức, thái độ làm việc nghiêm túc;
+ Thể hiện được năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm và sáng tạo;
+ Hình thành tình yêu nghề múa.

8.2. Tên năng lực: Biểu diễn tác phẩm múa ít người

- Mã: NLCL-03.02

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ/2 tín chỉ

a) Về kiến thức:

- + Mô tả được cấu trúc của tác phẩm múa ít người.
- + Trình bày được nội dung, ý nghĩa 3 tác phẩm múa ít người được sáng tác dựa trên chất liệu múa các dân tộc Kinh, Mông, Khơ Mú.

b) Về kỹ năng:

- + Biểu diễn được 3 tác phẩm múa ít người được sáng tác dựa trên chất liệu múa các dân tộc Kinh, Mông, Khơ Mú.
- + Vận dụng biểu diễn được các tác phẩm múa ít người do biên đạo sáng tác theo chương trình nghệ thuật cụ thể.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Thể hiện được ý thức, thái độ làm việc nghiêm túc;
- + Thể hiện được năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm và sáng tạo;
- + Hình thành tình yêu nghề múa.

9. Tên năng lực: Hội nhập vào môi trường lao động

- Mã: NLCL-03

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 495 giờ/11 tín chỉ

a) Về kiến thức:

- Liệt kê được cơ cấu tổ chức của cơ sở, chức năng của các bộ phận; liệt kê được các bước trong xây dựng, tổ chức chương trình nghệ thuật tại cơ sở.
- Phân tích được vai trò, trách nhiệm của diễn viên trong tổ chức cơ sở.
- Nêu được phương pháp hình thức tổ chức tập luyện, biểu diễn.

b) Về kỹ năng:

- Ứng dụng được kiến thức, kỹ năng đã học khi tham gia tập luyện, biểu diễn chương trình nghệ thuật.
- Thực hiện đúng yêu cầu của người biên đạo, tổng đạo diễn, chỉ huy đêm diễn.
- Lựa chọn trang phục phù hợp; trang điểm và phong cách phù hợp tiết mục.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có khả năng làm việc độc lập, nhóm; có khả năng giao tiếp tốt.
- Có tính cầu thị, ham học hỏi.
- Có tinh thần tập luyện nghiêm túc, tuân thủ quy định nơi thực tập.

10. Tên năng lực: Biểu diễn múa đương đại

- Mã: NLNC-01

- **Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ/2 tín chỉ**

a) Về kiến thức:

- Trình bày được luật động trong múa đương đại.
- Trình bày được quá trình thực hiện các động tác múa đương đại
- Mô tả được đặc điểm và dáng nét cơ bản của múa đương đại.

b) Về kỹ năng:

- Thực hiện được các động tác múa đương đại.
- Vận dụng thực hiện tác phẩm múa đương đại, dân gian đương đại.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thể hiện được năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm; có ý thức, thái độ làm việc nghiêm túc, chuyên nghiệp;
- Hình thành được tình yêu, đam mê, nhiệt huyết với nghề múa.

11. Tên năng lực: Biểu diễn múa truyền thống

- **Mã: NLNC-02**

- **Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ/2 tín chỉ**

a) Về kiến thức:

Trình bày được phong cách múa truyền thống, những tư thế dáng nét, luật động chuyển động cơ bản trong múa truyền thống.

b) Về kỹ năng:

Thực hiện được kỹ thuật kỹ xảo đặc trưng độc đáo của múa truyền thống. Vận dụng vào thực hiện biểu diễn tác phẩm múa.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Thể hiện được ý thức, thái độ làm việc nghiêm túc;
- + Thể hiện được năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm, có khả năng sáng tạo;
- + Hình thành tình yêu nghề múa.

12. Tên năng lực: Khiêu vũ một số vũ điệu phương Tây

- **Mã: NLNC-03**

- **Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ/2 tín chỉ**

a) Về kiến thức:

- + Trình bày được nguồn gốc điệu Valse;
- + Trình bày được đặc điểm tính chất điệu Valse;

- + Trình bày được cách thực hiện điệu Valse;
- + Trình bày được nguồn gốc các điệu La tinh;
- + Trình bày được tính chất đặc điểm các điệu La tinh;
- + Trình bày được cách thực hiện các điệu La tinh phổ biến;
- + Trình bày được tính chất nhảy phong cách Pop;
- + Trình bày được sự phát triển và cách thực hiện nhảy phong cách Pop.

b) Về kỹ năng:

- + Trình diễn được bước cơ bản của điệu nhảy Valse nhanh, Valse chậm.
- + Trình diễn được các bước cơ bản của điệu Cha cha cha, Jive, Samba, Rumba, Paso Doble
- + Trình diễn được một số bước cơ bản nhảy phong cách Pop.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Thể hiện được ý thức, thái độ làm việc nghiêm túc;
- + Thể hiện được năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm.